

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 14/2019/DS-ST
Ngày: 30/9/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và đòi lại tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thuần.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai:
ông Vũ Văn Hội – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1960.

Địa chỉ: 1530/E, ấp Phú Tân, xã P, huyện Đ, tỉnh Đ.

Đại diện theo ủy quyền: bà Đinh Thị Thúy H1 (văn bản ủy quyền ngày 11/7/2019)

**Bị đơn:* ông Trần Văn M, sinh năm 1974 và bà Mã Thị Kim H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp Bến Nôm 1, xã P, huyện Đ, tỉnh Đ.

(bà Hà, ông M, bà H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn bà H1 trình bày:*

Đối với tiền vay: Bà Mã Thị Kim H có vay của bà Nguyễn Thị C số tiền 40.000.000đ ngày 11/5/2011 lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả và không thế chấp tài sản, bà H có viết biên nhận và ký tên.

Đối với tiền Hụi, bà H có tham gia 04 dây hụi, cụ thể như sau:

Dây 1: Loại hụi 1.000.000đ khui ngày 10/01/2010 gồm 16 người chơi. Bà H tham gia 01 chân Hụi, hốt ngày 01/3/2010 được 11.740.000đ. Dây này bà H phải đóng 13 phần nữa là 13.000.000đ.

Dây 2: Loại hụi 2.000.000đ khui ngày 30/6/2011 gồm 21 người chơi. Bà H tham gia 01 chân Hụi, hốt ngày 30/6/2011 được 29.000.000đ. Dây này bà H phải đóng 20 phần nữa là 40.000.000đ.

Dây 3: Loại hụi 2.000.000đ khui ngày 04/7/2010 gồm 21 người chơi. Bà H tham gia 01 chân Hụi, hốt ngày 4/7/2011 được 29.000.000đ. Dây này bà H phải đóng 20 phần nữa là 40.000.000đ

Dây 4: Loại hụi 2.000.000đ khui ngày 10/9/2012 gồm 21 người chơi. Bà H tham gia 01 chân Hụi, hốt ngày 10/9/2011 được 30.000.000đ. Dây này bà H phải đóng 20 phần nữa là 40.000.000đ.

Bà H đóng hụi đến cuối năm 2012 thì bà H nói với bà C là đến khi hết các dây hụi trên thì bà H còn nợ bao nhiêu tiền nữa thì chốt lại cho bà. Coi như khoản nợ của bà H cho bà C. Bà H và bà C chốt lại là bà H nợ tiền Hụi 90.000.000đ, tiền vay là 40.000.000đ, tổng cộng là 130.000.000đ, lãi suất là 3%/tháng, hai bên không thỏa thuận thời gian trả.

Trong năm 2017 bà H đã trả cho bà C nhiều lần được 27.000.000đ, sau đó bà C nhiều lần đòi số tiền còn lại 103.000.000đ nhưng bà H không trả.

Nay bà C khởi kiện yêu cầu bà H và ông M thanh toán số tiền nợ gốc là 103.000.000đ và tiền lãi là 64.890.000đ.

Số tiền bà C cho vay và tiền chơi Hụi là tiền riêng của bà C, chồng bà C ông Nguyễn Ngọc CH đã chết, hàng thừa kế của ông CH xác nhận số tiền trên là tiền riêng của bà C.

Ngày 12/9/2019 nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là 64.890.000đ.

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà H và ông M trình bày.*

Về tiền vay: bà H xác nhận ngày 11/5/2011 có vay bà C số tiền 40.000.000đ và thỏa thuận như đơn khởi kiện bà C trình bày là đúng. Đối với tiền vay này bà đã thanh toán nhiều lần tổng cộng được 27.000.000đ, hiện nay bà còn nợ bà C 13.000.000đ, số tiền nợ này bà xin thanh toán dần.

Về Hụi: Bà H thừa nhận từ năm 2010 đến năm 2012 có tham gia chơi hụi với bà C như bà C trình bày theo đơn khởi kiện là đúng.

Khoảng cuối năm 2012 bà H và bà C tổng kết lại số tiền Hụi bà H còn nợ bà C là 90.000.000đ (thời gian bà H không nhớ CH xác). Năm 2013 vợ chồng bà H và ông M có bán 01 chiếc xe ô tô tải (do mua lại nên không nhớ họ tên người đứng tên chủ sở hữu) cho một người (không nhớ họ tên, địa chỉ vì thanh toán trực tiếp và giao xe) và thanh toán cho bà C tổng số tiền là 97.000.000đ tiền nợ Hụi và lãi. Khi thanh toán cho bà C chỉ có bà H và bà C, không có ai khác, bà không yêu cầu viết giấy nhận tiền nên bà không có tài liệu, chứng cứ gì cung

cấp cho Tòa án. Đối với tiền Hụi bà xác nhận thanh toán xong cho bà C.

Số tiền vay và tiền chơi Hụi bà là người trực tiếp tham gia, mục đích để giải quyết việc gia đình, ông M có biết.

Nay bà C khởi kiện yêu cầu bà H và ông M thanh toán số tiền trên thì ông bà không đồng ý. Ông bà đồng ý thanh toán số tiền vay còn lại 13.000.000đ.

**Ý kiến của Kiểm sát viên:*

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Mã Thị Kim H, ông Trần Văn M có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền nợ gốc là 103.000.000đ.

Về án phí bà H và ông M phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thẩm quyền: bị đơn bà Mã Thị Kim H, ông Trần Văn M cư trú tại 20, phố 3, ấp 2, xã Phú Lợi, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai nên đơn khởi kiện của bà C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

[2]Thời hiệu khởi kiện: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giải thích quy định về thời hiệu khởi kiện cho các bên đương sự nhưng không có đương sự nào yêu cầu áp dụng thời hiệu nên căn cứ vào Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án không áp dụng quy định về thời hiệu để giải quyết.

[3]Về quan hệ pháp luật:

- Đối với hợp đồng vay tài sản: nguyên đơn và bị đơn thừa nhận ngày 11/5/2011 bà Mã Thị Kim H có vay của bà Nguyễn Thị C số tiền 40.000.000đ. Do bà H không thanh toán số tiền trên nên bà C khởi kiện và có tranh chấp nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với số tiền nợ Hụi nguyên đơn và bị đơn xác định cuối năm 2012 hai bên chốt lại tiền hụi và xác định là tiền nợ tổng cộng 90.000.000đ không tranh chấp hụi. Bị đơn không thanh toán số tiền trên nên nguyên đơn khởi kiện đòi lại số tiền này. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp đòi lại tài sản theo quy định khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]Về tư cách đương sự: Đối với ông Nguyễn Ngọc CH là chồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị C chết năm 2018, ông CH chết sau thời điểm bà C cho bà H vay tiền và tham gia chơi hụi. Qua trình giải quyết vụ án Tòa án đã làm việc với hàng thừa kế của ông CH và tất cả xác nhận số tiền bà C cho vay và tiền hụi nêu trên là tiền riêng của bà C. Vì vậy, Tòa án không đưa hàng thừa kế bà C tham

gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[5] Về pháp luật áp dụng:

Theo giấy biên nhận ngày 11/5/2011 hai bên xác nhận hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn và thỏa thuận lãi là 3%/tháng.

Theo các giấy hội ngày 01/01/2010, ngày 4/7/2011, ngày 30/6/2011 và ngày 10/9/2012 hai bên xác nhận là Hội. Cuối năm 2012 hai bên chốt lại tiền nợ Hội và thỏa thuận tiền lãi 3%/tháng.

Các giao dịch trên được xác lập trước khi Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực, nhưng mức lãi suất thỏa thuận vượt quá mức lãi suất giới hạn quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nên Tòa án áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 giải quyết.

[6] Về nội dung vụ án:

Đối với hợp đồng vay tài sản: Ngày 11/5/2011 bà Mã Thị Kim H có vay của bà Nguyễn Thị C số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) có viết biên nhận và ký tên. Trong giấy biên nhận không thỏa thuận thời hạn thanh toán và lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng. Quá trình giải quyết vụ án bà Mã Thị Kim H thừa nhận nội dung này là đúng.

Đối với số tiền Hội: từ năm 2010 đến năm 2012 bà Mã Thị Kim H có tham gia chơi hội với bà Nguyễn Thị C tổng cộng 04 dây hội, tất cả 04 dây hội bà H hốt trước. Đến cuối năm 2012 bà H và bà C chốt lại bà H nợ bà C số tiền hội là 90.000.000đ và thỏa thuận tiền lãi là 3%/tháng. Quá trình giải quyết vụ án bà Mã Thị Kim H thừa nhận nội dung này là đúng.

Tính đến cuối năm 2012 bà H nợ bà C tổng số tiền vay và tiền hội là 130.00.000đ, hai bên thỏa thuận tiền lãi suất 3%/tháng.

Bị đơn trình bày năm 2013 vợ chồng bà H, ông M có bán 01 chiếc xe tải (do xe mua lại của người khác nên không nhớ họ tên người đứng tên chủ sở hữu) cho một người (không nhớ họ tên, địa chỉ vì thanh toán trực tiếp và giao xe) và thanh toán cho bà C số tiền là 90.000.000đ tiền Hội và 7.000.000đ tiền lãi, tổng cộng 97.000.000đ. Khi thanh toán số tiền hội cho bà C chỉ có bà H và bà C, không có ai khác, bà H không yêu cầu bà C viết giấy nhận tiền nên bà H không có tài liệu, chứng cứ gì cung cấp cho Tòa án. Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải, đối chất nhưng bà C cũng không chấp nhận lời khai này của bà H. Do đó không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh lời khai của bà H là đúng sự thật.

Bị đơn bà H trình bày năm 2017 bà nhiều lần thanh toán cho bà C tiền vay được 27.000.000đ, đại diện nguyên đơn xác nhận trong năm 2017 bà H đã trả cho bà C nhiều lần tiền tổng cộng 27.000.000đ, số tiền nay thanh toán cho cả tiền vay và tiền Hội.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định bà Mã Thị Kim H có vay tiền, tham gia chơi Hội và còn nợ bà Nguyễn Thị C số tiền 103.000.000đ (130.000.000đ – 27.000.000đ).

Về trách nhiệm trả nợ của ông Trần Văn M: Xét khoản nợ do bà Mã Thị

Kim H là vợ ông M trực tiếp vay và tham gia chơi hụi nhưng mục đích dùng vào việc chung của gia đình nên căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình buộc ông M có nghĩa vụ liên đới cùng bà H trả khoản nợ nêu trên.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C buộc bà H và ông M phải trả cho bà C số tiền nợ gốc 103.000.000đ.

Về lãi suất: Ngày 12/9/2019 bà Nguyễn Thị C có đơn xin rút lại yêu cầu tiền lãi với số tiền 64.890.000đ nên được chấp nhận, Tòa án đình chỉ yêu cầu khởi kiện này.

[7]Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà C được chấp nhận nên bà H và ông M phải chịu 103.000.000đ x 5% = 5.150.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[8]Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2, 3 Điều 26; Điều 203; Điều 220; Điều 235; Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 256, 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về tranh chấp “hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản”.

Buộc bà Mã Thị Kim H, ông Trần Văn M có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền nợ gốc là 103.000.000đ (một trăm lẻ ba triệu đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu bà Mã Thị Kim H, ông Trần Văn M trả số tiền lãi 64.890.000đ (sáu mươi bốn triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Mã Thị Kim H, ông Trần Văn M phải nộp 5.150.000đ (năm triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị C tiền tạm ứng án phí là 4.200.000đ (bốn triệu hai trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 002414 ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS ND H. Định Quán;
- THA DS H. Định Quán;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Đại

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA